

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 12 NĂM 2025

UBND XÃ THANH AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NOONG HET
Lương: 2.340.000

ST T	Họ và tên	Mục 6000		Mục 6050		Mục 6051		Mục 6100						Tổng lương		T/luôn g nghỉ việc		Các khoản thu			Tổng lĩnh
		Hệ số	Số tiền	V/Khung	Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền	Chức vụ	Khu vực	Phu cấp khác		Ưu đãi 50%	Thẩm niên		Số ngày	Số tiền	1,5%BHY T	1% BHTN	8%BHXH	
											Hệ số	Số tiền		%	Số tiền						
1	Mac Thi Phương Hào	5,02	11.746.800					0,4	936.000	1.170.000		6.341.400	26%	3.297.528	23.491.728		239.705	159.803	1.278.426	21.813.794	
2	Trần Thi Phu	5,02	11.746.800					0,3	702.000	1.170.000		6.224.400	26%	3.236.688	23.079.888		235.282	156.855	1.254.839	21.432.912	
3	Nguyễn Thị Nhài	4,98	11.653.200						-	1.170.000		5.826.600	27%	3.146.364	21.796.164		221.993	147.996	1.183.965	20.242.210	
4	Trần Thị Nga	4,98	11.653.200						-	1.170.000		5.826.600	26%	3.029.832	21.679.632		220.245	146.830	1.174.643	20.137.914	
5	Vũ Thị Huệ	4,98	11.653.200						-	1.170.000		5.826.600	26%	3.029.832	21.679.632		220.245	146.830	1.174.643	20.137.914	
6	Nguyễn Thị Thủy	4,68	10.951.200					0,15	351.000	1.170.000		5.651.100	22%	2.486.484	20.609.784		206.830	137.887	1.103.095	19.161.972	
7	Phạm Thi Thủy	3,66	8.564.400					0,15	351.000	1.170.000		4.457.700	16%	1.426.464	15.969.564		155.128	103.419	827.349	14.883.668	
8	Bui Thi Loan	5,02	11.746.800					0,15	351.000	1.170.000		6.048.900	24%	2.903.472	22.220.172		225.019	150.013	1.200.102	20.645.038	
9	Trương Thi Thanh Khắc	4,65	10.881.000						-	1.170.000	0,2	468.000	26%	2.829.060	20.788.560		205.651	137.101	1.096.805	19.349.004	
10	Tiểu Thi Hằng	4,34	10.155.600						-	1.170.000		5.077.800	19%	1.929.564	18.332.964		181.277	120.852	966.813	17.064.022	
11	Nguyễn Thi Nhung	4,32	10.108.800						-	1.170.000		5.054.400	21%	2.122.848	18.456.048		183.475	122.316	978.532	17.171.725	
12	Đào Thi Doan	4,34	10.155.600					0,2	468.000	1.170.000		5.311.800	22%	2.337.192	19.442.592		194.412	129.608	1.036.863	18.081.709	
13	Phạm Thi Quỳnh	3,33	7.792.200						-	1.170.000		3.896.100	13%	1.012.986	13.871.286		132.078	88.052	704.415	12.946.741	
14	Cao Thi Lấp	4,68	10.951.200						-	1.170.000		5.475.600	26%	2.847.312	20.444.112		206.978	137.985	1.103.881	18.995.268	
15	Nguyễn Thi Tuyền	4,34	10.155.600					0,2	468.000	1.170.000		5.311.800	21%	2.230.956	19.336.356		192.818	128.546	1.028.364	17.986.628	
16	Cà Thi Hương	3,66	8.564.400						-	1.170.000		4.282.200	14%	1.199.016	15.215.616		146.451	97.634	781.073	14.190.457	
17	Cà Minh Thu	3,99	9.336.600						-	1.170.000		4.668.300	15%	1.400.490	16.575.390		161.056	107.371	858.967	15.447.996	
18	Trịnh Thi Quy	4,00	9.360.000						-	1.170.000		4.680.000	21%	1.965.600	17.175.600		169.884	113.256	906.048	15.986.412	
19	Trần Thi Yên	4,00	9.360.000					0,2	468.000	1.170.000		4.914.000	14%	1.375.920	17.287.920		168.059	112.039	896.314	16.111.508	
20	Hà Thi Duyên	4,00	9.360.000						-	1.170.000		4.680.000	12%	1.123.200	16.333.200		157.248	104.832	838.656	15.232.464	
21	Lô Thi Thủy Hà	4,00	9.360.000						-	1.170.000		4.680.000	22%	2.059.200	17.269.200		171.288	114.192	913.536	16.070.184	
22	Đào Văn Tư	4,34	10.155.600						-	1.170.000		5.077.800	21%	2.132.676	18.536.076		184.324	122.883	983.062	17.245.807	
23	Nguyễn Hoa Ban	4,00	9.360.000						-	1.170.000		4.680.000	10%	936.000	16.146.000		154.440	102.960	823.680	15.064.920	
24	Lô Thi Trang Hà	3,66	8.564.400						-	1.170.000		4.282.200	13%	1.113.372	15.129.972		145.167	96.778	774.222	14.113.806	
25	Nguyễn Thi Đồng	3,99	9.336.600					0,2	468.000	1.170.000	0,1	234.000		-	11.208.600		147.069	98.046	784.368	10.179.117	
26	Trần Ngọc Thiên								-				-		3.450.000			51.750	34.500	276.000	3.087.750
27	Nguyễn Sĩ Doanh								-						6.216.280			93.244	62.163	497.302	5.563.571
	Cộng	107,98	252.673.200					2,0	4.563.000	29.250.000	0,3	702.000	5	51.172.056	471.742.336		4.771.118	3.180.745	25.445.963	438.344.510	
	BH 10,5%		26.530.686						1.014.959	479.115					6.216.280						
	Cộng		226.142.514						4.083.885	29.250.000		702.000	4,83	45.798.990	438.344.510						438.344.510

KẾ TOÁN Giám Nguyễn Thị Tố Hoa và Vũ Thị Thanh Huyền nghỉ hưu từ 01/12/2025

HUY TRƯỞNG



Nguyễn Thị Đồng

Mao Thị Phuong Hao